

Ngày	10,150 VNĐ		
31/03/2024			
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	1.9%	-0.5%	-19.8%

Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	9,090 - 14,600
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	289
Số lượng CPLH (CP)	28,490,400
KLGD BQ 20 phiên (CP)	40
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	0.09
EPS	86
P/E	117.4

DT thuần

Q1/24

34.0

tỷ VNĐ

QoQ: ▼16.0| -31.9%

YoY: ▼5.30| -13.4%

LN trước thuế

Q1/24

2.85

tỷ VNĐ

QoQ: ▼16.8| -85.5%

YoY: ▼0.83| -22.6%

LN sau thuế

Q1/24

2.45

tỷ VNĐ

QoQ: ▼16.5| -87.0%

YoY: ▼0.83| -25.2%

ROA

2023

-0.1%

+/- YoY: ▼ 1.9%

DT thuần

2023

143

tỷ VNĐ

YoY: ▼10.0| -6.8%

LN trước thuế

2023

4.75

tỷ VNĐ

YoY: ▼22.1| -82.3%

LN sau thuế

2023

-1.67

tỷ VNĐ

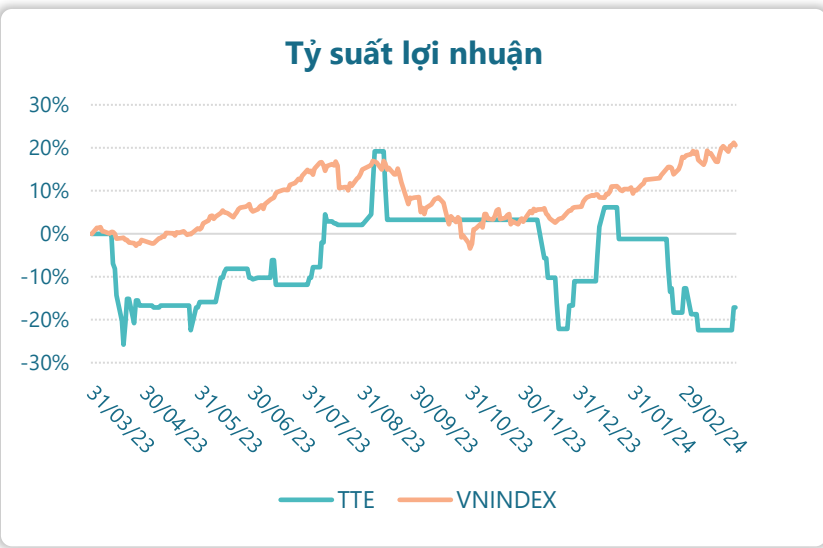
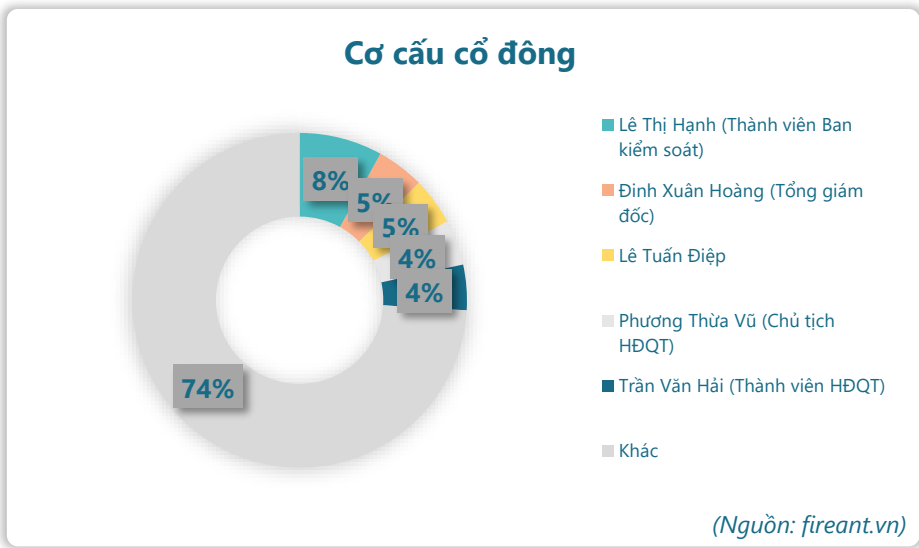
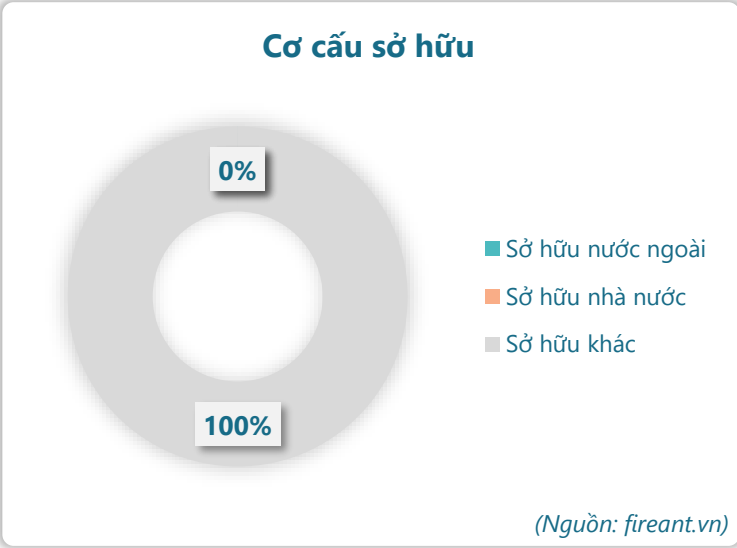
YoY: ▼23.5| -108%

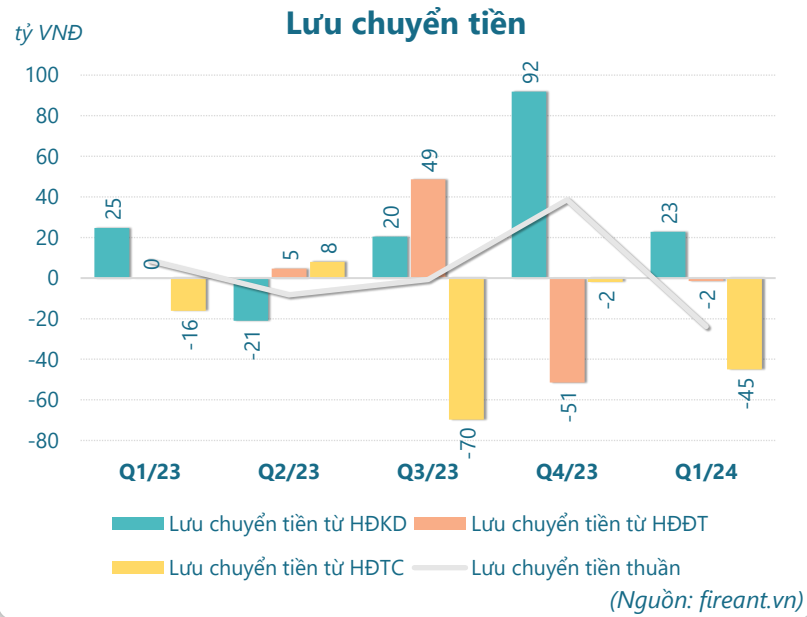
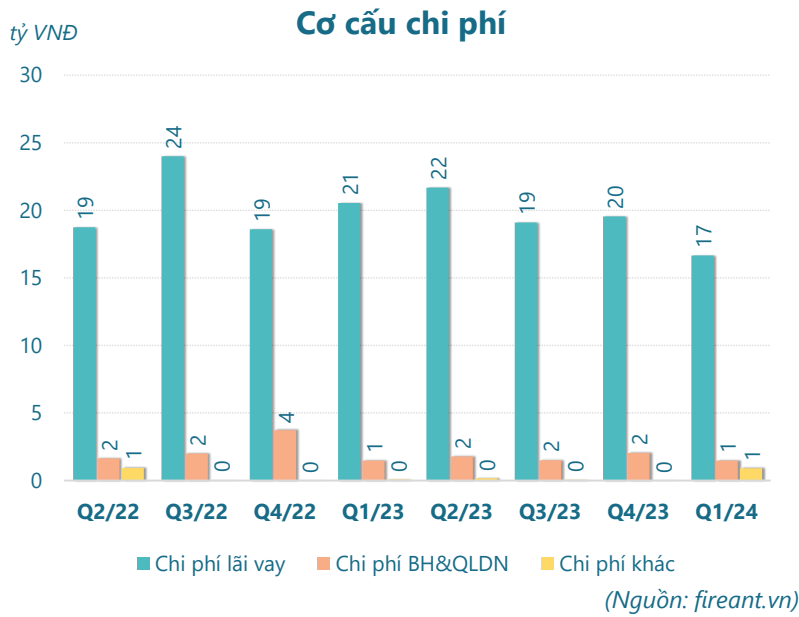
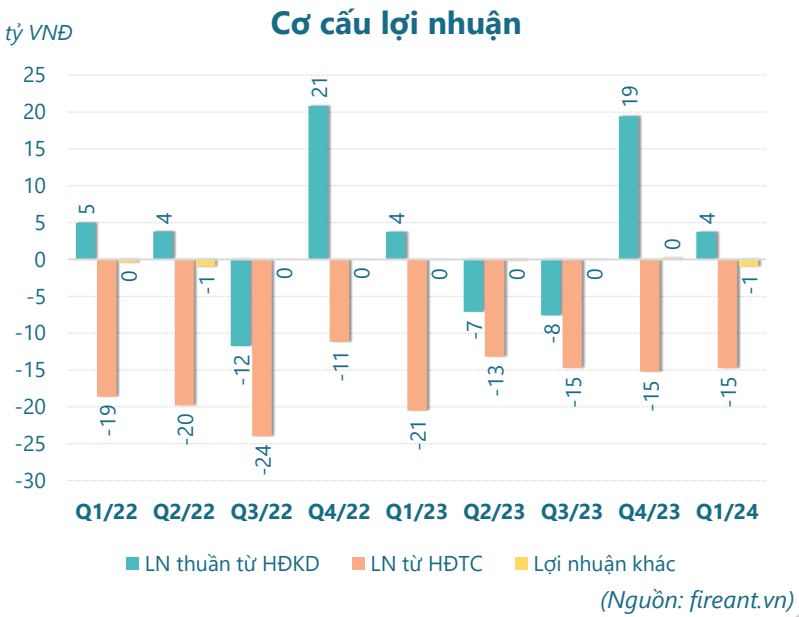
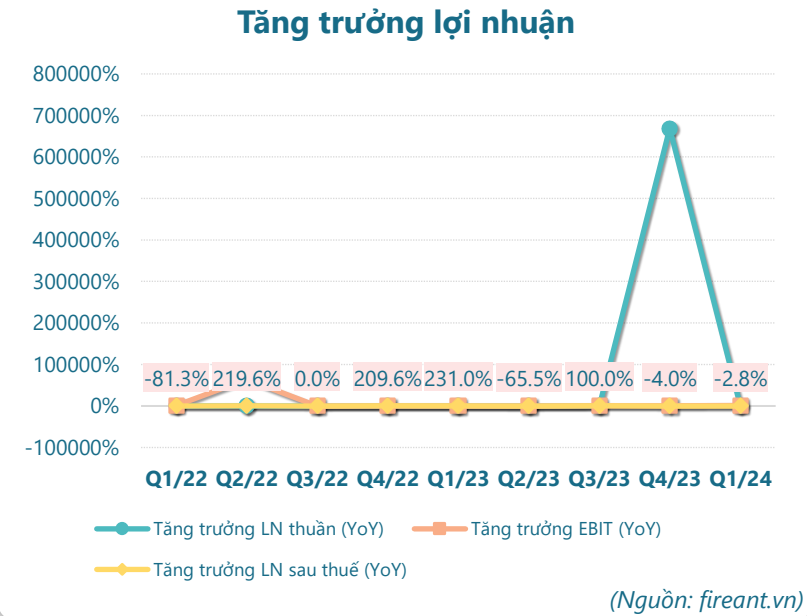
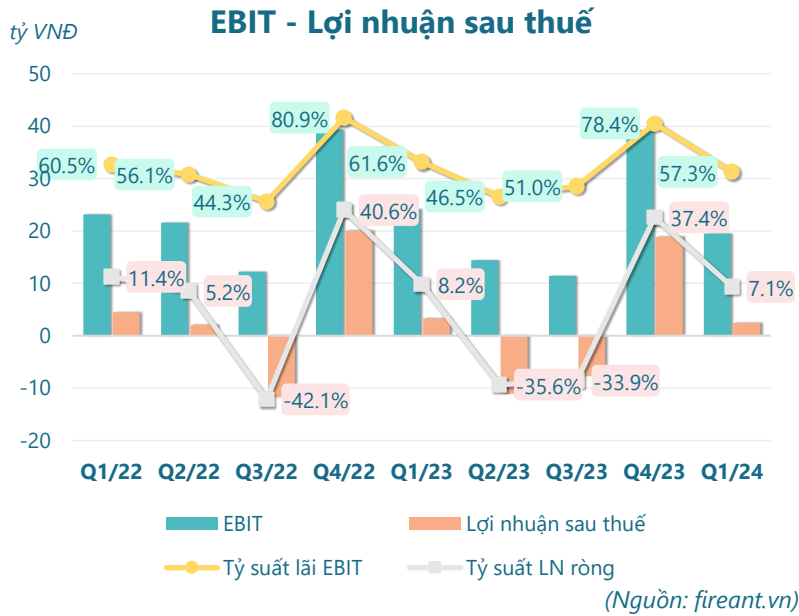
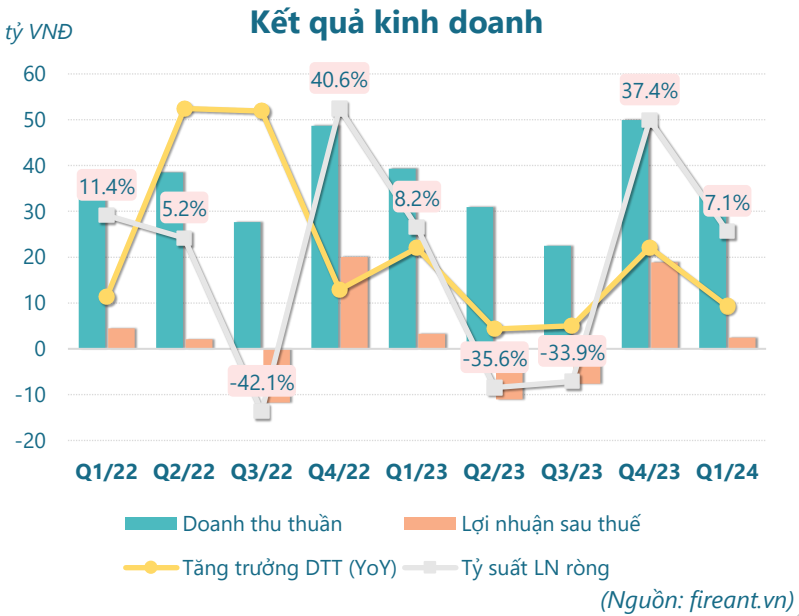
ROE

2023

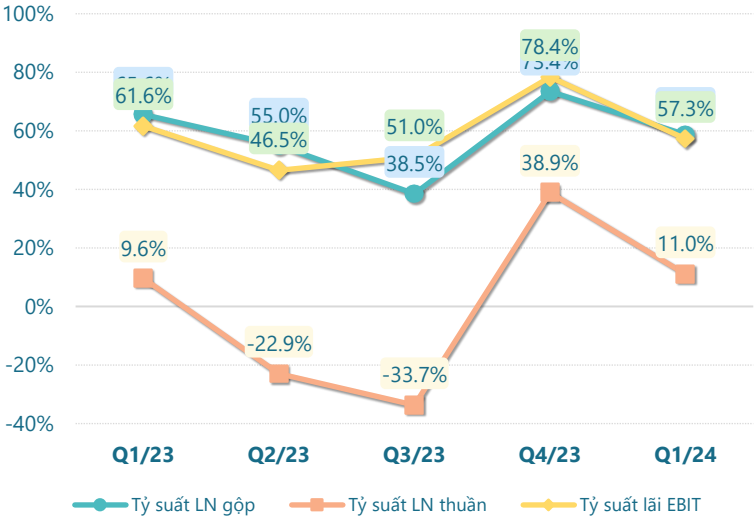
-0.6%

+/- YoY: ▼ 7.5%



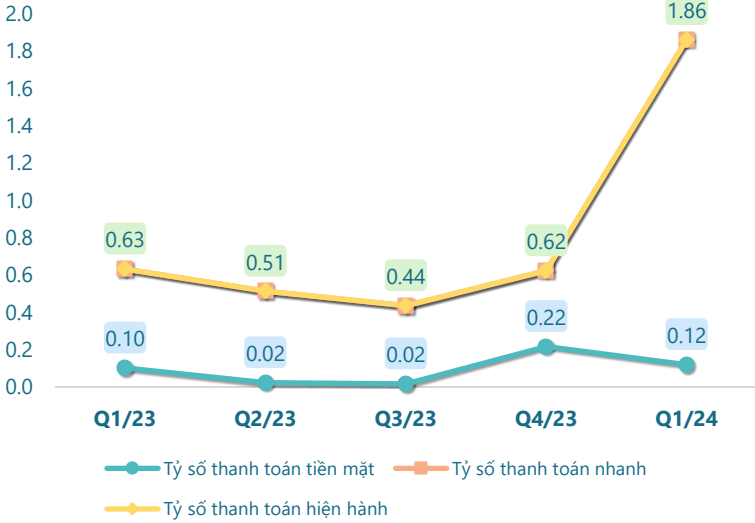


Tỷ suất lợi nhuận



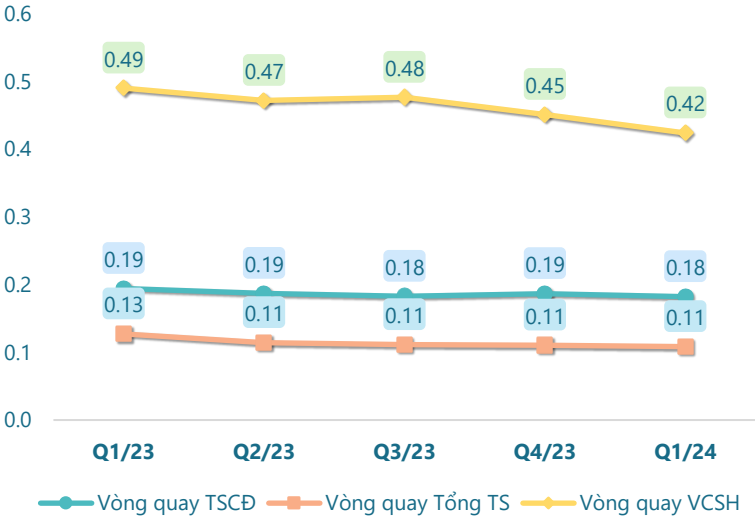
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



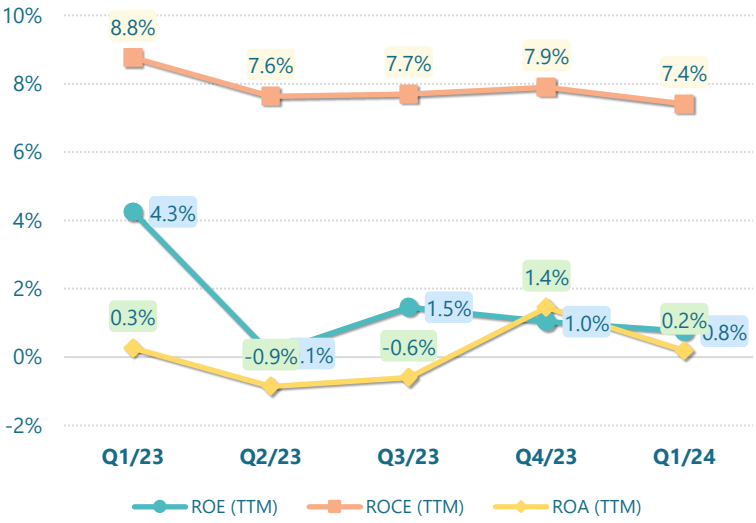
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



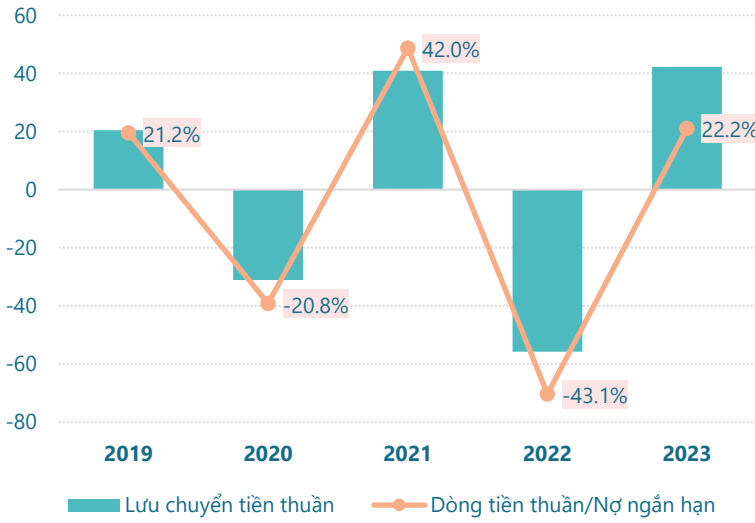
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



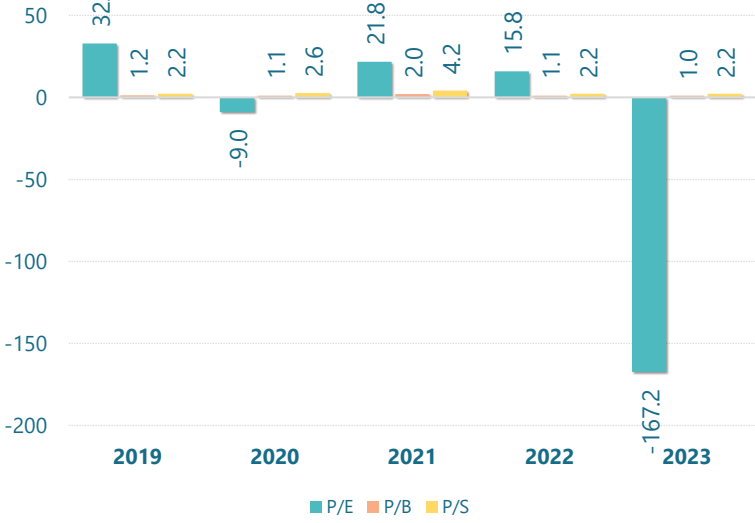
(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

Nhóm chỉ số định giá



(Nguồn: fireant.vn)